

SỰ LẠM DỤNG NGOẠI NGỮ TRONG GIAO TIẾP

NGUYỄN THỊ QUỲNH YẾN

*Khoa Ngoại ngữ Chuyên ngành,
Trường ĐHNN Hà Nội*

DẪN NHẬP

Ngoại ngữ ngày càng trở nên quan trọng đối với cuộc sống người dân, đặc biệt là tại các đô thị hiện đại, có trình độ dân trí cao. Bên cạnh việc sử dụng ngoại ngữ như một công cụ hỗ trợ hữu ích trong công việc, học tập..., đã xuất hiện hiện tượng sùng ngoại ngữ qua cách sử dụng tiếng lóng, tiếng bồi một cách vô tội vạ, gây phản cảm, đánh mất tính thẩm mỹ. Hiện tượng này không chỉ xảy ra trong lớp thanh niên “sành điệu” mà còn xuất hiện phổ biến trong giới trí thức.

Đáng nói hơn, hiện tượng đó nay đã thành “bệnh”, một “căn bệnh” khó chữa. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không bao giờ là chuyện cũ. Những cuộc hội thoại như thế này nếu để ý chúng ta sẽ thấy xuất hiện thường xuyên trong những quán cà phê, quán nước, trên đường và trong cả các trường học. *“Sorry mày nha, tối qua papa với mama cắt com, money hết sạch, chứ không thì tao đi overnight với tụi bây rồi. Từ đây tới chiều có chương trình gì, phone cho tao một tiếng. See you!”* (Đoạn nói chuyện qua điện thoại ghi tại một quán cà phê).

1. Dùng từ ngoại - “mốt” của giới trẻ

Dùng từ ngoại nay đã trở thành mốt của đa số “dân chơi”. Trong bất cứ tình huống nào, trò chuyện với ai..., họ đều có thể dùng những từ tiếng Anh, tiếng Pháp, thậm chí tiếng Hoa mà họ biết. Thực tế chỉ ra rằng, trong xã hội đa ngữ, các thành viên trong một bối cảnh giao tiếp cụ thể, không phải chỉ giao tiếp với nhau bằng một ngôn ngữ mà dùng đan xen hai hoặc hơn hai ngôn ngữ khác nhau trong một cuộc giao tiếp, thậm chí ngay trong một phát ngôn. Ở các thành phố lớn

như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng..., ở gần như bất cứ quán cà phê, quán nước nào người ta cũng nghe được những cuộc đối thoại “Tây Tàu” lẫn lộn như:

- *Tomorrow* (ngày mai) đi *shopping* (mua sắm) không *you* (mày)?
- *No* (không), tao hết *money* (tiền) rồi.
- *No problem* (không sao), tao cho *borrow* (vay).
- *Ok* (được), *what time* (mấy giờ)?
- Khoảng 3h chiều nhé.
- *OK*.

Những câu hội thoại “pha tạp” tiếng ngoại kiểu như trên rất phổ biến trong giới trẻ ngày nay. Biết từ nào dùng từ đó, dù có chấp vá, lẫn lộn bao nhiêu đi nữa, nhưng miễn là hiểu được thì họ nạp ngay vào bộ nhớ, dùng quen và trở nên phổ biến. Lắm khi, khả năng sử dụng ngoại ngữ làm tiếng đệm còn là thước đo mức độ sành điệu của giới trẻ.

Tuy nhiên một thực tế đáng buồn đó là mặc dù khả năng chấp vá ngoại ngữ trong các câu giao tiếp của giới trẻ rất thuận thực thì khả năng giao tiếp của họ bằng chính ngôn ngữ ấy lại rất kém. Nếu gặp một khách du lịch nước ngoài hỏi đường bằng tiếng Anh, phần lớn những đối tượng này lúng túng không biết trả lời như thế nào mà có khi họ không hiểu khách du lịch muốn hỏi gì.

2. Sự lạm dụng ngoại ngữ trong giới trí thức

Điều đáng nói hơn nữa là một bộ phận lớn học sinh-sinh viên cũng có hiện tượng sính dùng từ ngoại. Khi điều kiện học tập ngày càng thuận lợi hơn, nhất là trong bối cảnh tiếng Anh ngày càng được phổ biến, bệnh sính dùng từ ngoại của học sinh-sinh viên ngày càng trầm trọng, không chỉ tại trường học mà trong cuộc sống gia đình, trong giao tiếp với ông bà, cha mẹ, anh chị em.

Trong các cuộc nói chuyện của học sinh -sinh viên, người ta nghe thấy rất nhiều từ “ngoại”. Đôi khi nếu lắng nghe, chúng ta sẽ không hiểu họ đang nói gì mà cần người trong cuộc giải thích.

Ví dụ:

- Ông D dạy *amateur* (nghệ dư) hết chỗ nói. Ít ra phải *guide*

(hướng dẫn) tại mình viết phần *foreword* (lời mở đầu), còn *content* (nội dung) và *decor* (trang trí) thì mình tự lo cũng được.

- Hoi đâu mà *wait* (chờ), lo mà cày đi chứ *il* (ông ta) chạy sô ghê lắm. Đứa nào cũng làm *solo* (một mình) chứ riêng gì mày.

Tuy nhiên, khi có mấy du khách quốc tế hỏi đường về Bảo tàng Hồ Chí Minh không ai trong số họ có thể nghe và hiểu để trả lời. Cả bọn cứ ngó người ra.

Không những vậy, hiện tượng sinh dùng từ ngoại cũng rất phổ biến trong các cuộc trò chuyện tại công sở, qua điện thoại hay tiếp khách... Không dùng tiếng lóng hay tiếng bồi, nhưng loại ngôn ngữ mà giới nhân viên công sở sinh dùng cũng mang tính chấp vá, thậm chí bịa đặt dùng đó, dễ gặp nhất là trong những cuộc giao tiếp qua điện thoại. Ví dụ:

- *Partners* (đối tác) của bọn em chiều nay sẽ tới Hà Nội, em *book* (đặt) 2 *single room* (phòng đơn) nhé. Coi như em đã *confirm* (xác nhận) luôn rồi đó, chị khỏi cần *check* (kiểm tra) lại.

Hoặc:

- Anh có thể *arrange* (sắp xếp) cho em một *appointment* (cuộc hẹn) với *director* (giám đốc) được không? Em cần *interview* (phỏng vấn) anh ấy một số điều về mấy cái *projects* (dự án) ở Hải Phòng. *Merci* (cám ơn) anh rất nhiều.

3. Cách nhìn của nhà ngôn ngữ học

Việc sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, ngôn ngữ học gọi là chuyển mã: nếu như sự phân bố chức năng giữa các ngôn ngữ tìm đến sự phân biệt lần lượt sử dụng ngôn ngữ ở các ngữ vực khác nhau thì việc chuyển mã thường diễn ra ở thể đan xen phát ngôn hoặc có khi là sự đan xen của một từ, một đoạn ngữ trong phát ngôn.

Cho đến nay, tuy vẫn chưa có một định nghĩa sát hợp về chuyển mã nhưng nội dung cơ bản của khái niệm này đã được khẳng định: trong hội thoại ở môi trường đa ngữ, người đa ngữ sử dụng đan xen hai hoặc hơn hai mã ngôn ngữ, nói một cách cụ thể hơn, đó là việc sử dụng chuyển đổi hai ngôn ngữ ở các bình diện ngữ âm, ngữ pháp và từ

vùng khi tiến hành giao tiếp. Từ đây, xuất hiện một số nội dung liên quan đến chuyển mã như vấn đề người đa ngữ với môi trường đa ngữ xã hội, chuyển mã với vay mượn, trộn mã ...

Thứ nhất, theo cách nhìn của nhân chủng học, nếu coi ngôn ngữ là một loại hành vi của con người thì hành vi ngôn ngữ phải đặt trong một mạng quan hệ với các hành vi khác của con người trong xã hội. Có quan niệm cho rằng một cá nhân được coi là cá nhân đa ngữ, ngoài ngôn ngữ thứ nhất ra thì ngôn ngữ thứ hai phải đạt tới trình độ thuần thực. Tuy nhiên phần lớn các nhà ngôn ngữ học đều cho rằng đây là cách nhìn mang tính lí tưởng hoá bởi ngay cả tiếng mẹ đẻ cũng không ai dám chắc là mình đã có khả năng sử dụng thuần thực hướng chỉ là các ngôn ngữ thứ hai. Bên cạnh đó còn có quan niệm cho rằng, trừ ngôn ngữ thứ nhất được coi là “có kỹ năng tự phát”, đối với các ngôn ngữ thứ hai chỉ cần hiểu biết và nắm vững ở một trình độ nhất định.

Thứ hai, chuyển mã ngôn ngữ chỉ có thể được thực hiện trong quá trình giao tiếp cùng sử dụng đan xen nhau hai hoặc trên hai ngôn ngữ. Đặc điểm này làm cho chuyển mã liên quan đến hai khái niệm khác là vay mượn (borrowing) và trộn mã (mixing). Vay mượn khác với chuyển mã và trộn mã ở chỗ, vay mượn có thể xuất hiện trong phát ngôn của người đơn ngữ cả của người đa ngữ, còn trộn mã và chuyển mã chỉ xuất hiện ở phát ngôn của người đa ngữ trong môi trường đa ngữ xã hội. Tuy nhiên, thực tế diễn ra rất phức tạp nên trong nhiều trường hợp phải dựa vào bối cảnh giao tiếp cụ thể. Ví dụ:

- Đi chơi đi Hùng!
- Không được. Hôm nay tớ *busy* (bận) rồi. *I'm sorry* (tớ xin lỗi).

Hay:

- Nam đến rồi kìa. *Let's go!* (chúng ta đi thôi)

Trong hai ví dụ trên đã có sự chuyển mã từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Trong khi đấy những từ như *live show*, *diva* hay *worldcup* ở hai ví dụ dưới rất khó xác định đây là chuyển mã hay vay mượn.

- Ca sĩ Hồng Nhung vừa tổ có một *live show* ở thành phố Hồ Chí Minh đấy mày ạ. Cô ấy là một trong những *diva* rất thành công ở Việt Nam.

Hay:

- Đi xem *worldcup* không mày?

Nếu xuất hiện trong một cuộc hội thoại thuần túy đơn ngữ tiếng Việt thì có thể cho *live show*, *diva* hay *worldcup* là từ mượn. Nhưng trong trường hợp những người tham gia giao tiếp đều là người song ngữ thì nếu cho là chuyển mã cũng chỉ đúng một nửa vì các từ như *live show*, *diva* hay *worldcup* đã đi sâu vào đời sống tiếng Việt; còn nếu cho chúng là vay mượn cũng chưa chắc vì đây là hai người đa ngữ. Lý do gây ra tính phức tạp này là ở chỗ, trong hơn 10 năm trở lại đây, các từ ngữ tiếng Anh xuất hiện trong các văn bản tiếng Việt thường là dưới dạng văn tự Anh và được đọc bằng tiếng Việt phỏng theo cách phát ngôn tiếng Anh. Cho nên việc xác định một từ tiếng Anh đã thật sự trở thành tiếng Việt chưa là hết sức khó khăn. Theo nhà ngôn ngữ học Nguyễn Văn Khang trong bài viết *Ngôn ngữ tự nhiên và vấn đề chuyển mã trong giao tiếp hội thoại* thì chúng ta nên tìm đến nhân tố xã hội ngôn ngữ để giải thích sự khác nhau cơ bản giữa chuyển mã và vay mượn: từ ngữ mượn là một hiện tượng đã được dùng ổn định trong ngôn ngữ đi vay do được dùng lặp đi lặp lại, còn chuyển mã là một hình thức sử dụng đan xen giữa các mã ngôn ngữ một cách nhất thời trong bối cảnh giao tiếp cụ thể. Với cách nhìn như vậy sẽ cho phép nhiều trường hợp của chuyển mã được xem là một giai đoạn trung chuyển hay quá độ của vay mượn. Điều này góp phần lý giải và phân loại được hàng loạt trường hợp các thành phần ngôn ngữ nước ngoài xuất hiện trong giao tiếp tiếng Việt.

Liên quan đến chuyển mã còn có khái niệm trộn mã (mixing, mix). Trộn mã là khi người ta giao tiếp bằng một ngôn ngữ nhưng lại sử dụng một vài thành phần của ngôn ngữ khác và phát âm theo áp lực của ngôn ngữ đang sử dụng. Ví dụ:

- Cậu có biết *play pingpong* (bóng bàn) không?
- Có. Nhưng *not very well* (không tốt lắm)
- Cậu có thường *practice* (luyện tập) không?
- *Sometimes* (thỉnh thoảng) thôi.

Ví dụ trên cho thấy, trộn mã không chỉ dừng lại ở đơn vị từ mà còn có thể ở cả các thành phần cao hơn như đoản ngữ. Hiện tượng này hiện rất phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt ở trong lớp học sinh-sinh viên.

Có nhiều lý do cho việc giao tiếp có các thành phần tiếng nước ngoài trộn với tiếng Việt dưới dạng phát âm bồi theo kiểu tiếng Việt. Thứ nhất, người tham gia giao tiếp muốn luyện tiếng nước ngoài. Thứ hai, sử dụng đan xen tiếng nước ngoài trong giao tiếp tạo cảm giác thích thú, ngộ ngộ. Thứ ba, khi sử dụng tiếng nước ngoài người tham gia giao tiếp cảm thấy mình “sành điệu”. Thứ tư, do ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông như TV, báo chí, quảng cáo.

Có nhiều lý do cho việc người đa ngữ chuyển mã trong giao tiếp hội thoại. Tuy nhiên khi việc chuyển mã ấy là quá giới hạn, không đúng lúc thì xảy ra hiện tượng lạm dụng sự chuyển mã hay nói cách khác đó chính là sự lạm dụng tiếng ngoại trong giao tiếp. Trong trường hợp này, chuyển mã như là sự khoe khoang hay “tỏ vẻ” về việc bản thân biết ngoại ngữ hoặc biết nhiều ngôn ngữ và khi ấy việc chuyển mã thường gây “chướng tai” cho những người xung quanh.

4. Kết luận

Việc dùng ngoại ngữ theo kiểu “sính chữ” là đáng chê trách. Thật buồn khi hiện nay không chỉ lớp thanh niên “sành điệu” mà cả giới trí thức cũng sính từ ngoại, có người còn cho đó là sự... hiếu học. Tại nhiều cuộc thi tầm cỡ quốc gia vẫn có nhiều người cố tình nói lơ lớ tiếng mẹ đẻ, thi thoảng thêm vào mấy từ ngoại ngữ để làm “sang” bản thân mình. Người này thấy lạ, người kia tiếp nhận và vô tình như thế trở thành trào lưu.

Việc sính dùng từ ngoại của một bộ phận thanh niên hiện nay đều do tâm nhận thức của họ. Những người giỏi và cực giỏi ngoại ngữ sẽ biết dùng đúng nơi đúng chỗ, không kiểu “khoe chữ” như thế. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến lối sống của xã hội. Người xưa có câu “lời nói, gói bạc” nghĩa là lời nói thể hiện cách ứng xử, nhận thức...

Trường hợp sính từ ngoại mọi nơi, mọi lúc, không phân biệt vị thế giao tiếp xã hội mà nói năng thì quả là nguy kịch, khiến thẩm mỹ ngôn ngữ sẽ bị mai một dần dần. Hiện tượng này nếu không được định hướng, nếu cứ kéo dài sẽ tạo ra nhiều điều phiền toái cho sự trong sáng của tiếng Việt. Về mặt thẩm mỹ học, điều đó cũng không phải là một hiệu ứng tốt. Trên thực tế, người này nói, người kia nói và khi trở thành thói quen ngôn ngữ thì rất khó chữa.

Bệnh ngôn ngữ có thể là bệnh truyền nhiễm nếu thiếu biện pháp khắc phục. Lời ăn, tiếng nói gắn liền với hành vi, cách sống. Thanh niên giờ cần phải nhận thức đâu là hay, đâu là dở để mà chỉnh sửa. Họ cần phải xem ngoại ngữ là một phương tiện, cánh cửa sổ để thu nhận tri thức của nhân loại nhưng không dùng từ bừa bãi và càng không được cho sự chấp ghép ngôn ngữ là cách đánh bóng, làm sang, tăng lên sự trí thức của bản thân.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản*, Nxb. KHXH, 1999.
2. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ tự nhiên và vấn đề chuyển mã trong giao tiếp hội thoại*, Nxb. KHXH, 2004.
3. Viện Ngôn ngữ học, *Cảnh hướng và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, 2002.
4. Garcia, E.E, *Bilingualism and Social Language Acquisition in academic Contexts*, New York, 1991.
5. Trịnh Sâm, *Nên dùng ngoại ngữ đúng lúc đúng chỗ*, Báo Người Lao động, 2005.